

Số: 504 /QĐ-ĐHNL-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định về đào tạo nâng cao trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học”;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 2500/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế học vụ áp dụng cho bậc đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quy hoạch, chiến lược phát triển của Trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM;
Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này quy định về đào tạo nâng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Khoa, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HC, ĐT.



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

QUY ĐỊNH

Về đào tạo nâng cao trình độ đại học

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 504...../QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định về đào tạo nâng cao trình độ đại học (sau đây gọi là đào tạo nâng cao) bao gồm: tiêu chí xác định chương trình đào tạo nâng cao; điều kiện đào tạo nâng cao, thủ tục xác nhận đề án đào tạo nâng cao, đình chỉ tuyển sinh chương trình nâng cao.

Quy định này áp dụng đối với Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình đào tạo đại trà* là chương trình đào tạo trình độ đại học đang được thực hiện hợp pháp tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, có mức trần học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ.

2. *Chương trình đào tạo nước ngoài* là chương trình đào tạo đang được áp dụng ở một trường đại học trong khu vực hoặc trên thế giới đã được công nhận đạt chất lượng bởi tổ chức kiểm định chất lượng có uy tín hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép thực hiện và cấp văn bằng, được tham khảo để xây dựng và phát triển chương trình đào tạo nâng cao của Trường.

3. *Chương trình đào tạo nâng cao* là chương trình đào tạo có các điều kiện đảm bảo chất lượng và chuẩn đầu ra cao hơn chương trình đào tạo đại trà tương ứng, đồng thời đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại Quy định này.

4. *Tiêu chí xác định Chương trình nâng cao* gồm những quy định về chương trình đào tạo, tuyển sinh, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, tổ chức và quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình nâng cao.

Điều 3. Mục đích đào tạo nâng cao

Nâng cao chất lượng đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đào tạo nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh

1. Ban hành quy định chi tiết về đào tạo nâng cao áp dụng tại trường bao gồm: nhiệm vụ và quyền của giảng viên, sinh viên; quyền hạn của trường trong việc kiểm tra, thanh tra nội bộ, xử lý vi phạm nội bộ đối với cá nhân, đơn vị không thực hiện đúng các tiêu chí, điều kiện đã được quy định.

2. Triển khai thực hiện đào tạo nâng cao theo Quy định này.

3. Xác định mức học phí trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo cho toàn khóa học; xây dựng lộ trình điều chỉnh mức học phí cho những khóa học tiếp theo (nếu cần thiết); xây dựng phương án thu, chi và quản lý kinh phí để đảm bảo thực hiện đầy đủ các tiêu chí của chương trình nâng cao (bao gồm cả miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc diện chính sách được nhận hỗ trợ tài chính của Nhà nước); thực hiện trích lập các quỹ theo quy định hiện hành đối với phần chênh lệch thu chi còn lại.

4. Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường các quy định tại khoản 1 Điều này và mức học phí quy định tại khoản 3 Điều này trước mỗi kì tuyển sinh.

Chương II **TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG CAO** **TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

Điều 5. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo nâng cao được xây dựng và phát triển trên nền của chương trình đào tạo đại trà của Khoa có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy định này; có tham khảo chương trình đào tạo nước ngoài.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nâng cao phải cao hơn của chương trình đào tạo đại trà tương ứng về năng lực chuyên môn; năng lực ngoại ngữ; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; năng lực dẫn dắt, chủ trì và làm việc nhóm; khả năng thích nghi với môi trường công tác; riêng năng lực ngoại ngữ tối thiểu phải đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương).

3. Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo nâng cao phải có sự tham gia của đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo nâng cao, bộ phận đảm bảo chất lượng và lấy ý kiến đóng góp của cựu sinh viên, đại diện của các đơn vị sử dụng lao động. Đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành của chương trình nâng cao phải có ý kiến thẩm định của 02 chuyên gia ngoài cơ sở đào tạo (trong nước hoặc quốc tế) am hiểu lĩnh vực chuyên môn.

4. Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo nâng cao được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 6. Giảng viên, trợ giảng

1. Giảng viên

a) Có trình độ thạc sĩ trở lên. Riêng giảng viên dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giảng viên chính, giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (đối với các ngành đặc thù);

b) Có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo nâng cao; có kinh nghiệm giảng dạy liên quan đến ngành chương trình đào tạo nâng cao từ 03 năm trở lên; có phương pháp giảng dạy hiệu quả; áp dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

c) Giảng viên dạy các học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại điểm a, b khoản này, phải có trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ đó;

d) Có giảng viên uy tín của các trường đại học nước ngoài (bao gồm cả giảng viên Việt Nam có quốc tịch nước ngoài) hoặc giảng viên Việt Nam đã tham gia giảng dạy trình độ đại học trở lên ở nước ngoài hoặc giảng viên đã được đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài, đáp ứng yêu cầu của Chương trình nâng cao tham gia giảng dạy các học phần được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 12 của Quy định này;

đ) Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy Chương trình nâng cao do Hiệu trưởng phê duyệt theo đề nghị của trưởng Khoa chuyên môn quản lý chương trình, được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

2. Trợ giảng

a) Trợ giảng phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần;

sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp;

b) Trợ giảng có thể là nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên giỏi tốt nghiệp chương trình tiên tiến, chương trình nâng cao.

Điều 7. Cán bộ quản lý và cố vấn học tập

1. Cán bộ quản lý chương trình nâng cao phải có đủ năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo; sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý liên quan; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

2. Cố vấn học tập phải nắm vững chương trình đào tạo, quy định về đào tạo nâng cao và có khả năng hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên trong quá trình học tập; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

Điều 8. Điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học

1. Có phòng học riêng cho lớp đào tạo nâng cao, được trang bị máy tính kết nối mạng internet và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập; mỗi sinh viên chương trình nâng cao có nơi tự học ở trường, được sử dụng mạng internet không dây.

2. Có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo trong, ngoài nước và được cập nhật thường xuyên; có thư viện và thư viện điện tử cho giảng viên và sinh viên tra cứu và sử dụng trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Có đủ các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở thực tập cần thiết phục vụ giảng dạy thực nghiệm cho sinh viên chương trình nâng cao và các cơ sở vật chất cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

Điều 9. Nghiên cứu khoa học

1. Hàng năm, mỗi giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy học phần lý thuyết ngành và chuyên ngành của chương trình nâng cao phải có tối thiểu 01 công trình nghiên cứu khoa học được công bố hoặc được nghiệm thu có nội dung liên quan đến ngành đào tạo nâng cao.

2. Trong cả khóa học, mỗi sinh viên chương trình nâng cao phải được tham gia nghiên cứu khoa học theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học với giảng viên.

3. Hàng năm, giảng viên và sinh viên chương trình nâng cao phải có ít nhất 01 đề tài phối hợp nghiên cứu với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến chương trình nâng cao.

Điều 10. Hợp tác quốc tế

Trường thực hiện một số hoặc tất cả các hình thức hợp tác quốc tế sau để hỗ trợ phát triển chương trình nâng cao: bồi dưỡng, trao đổi giảng viên và sinh viên; tổ chức hợp tác nghiên cứu khoa học, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, giao lưu học thuật; liên kết thư viện, trao đổi kinh nghiệm, thông tin, tài liệu, ấn phẩm khoa học; tham gia các tổ chức khoa học, nghề nghiệp quốc tế liên quan đến chương trình nâng cao.

Điều 11. Tuyển sinh

1. Chỉ tiêu đào tạo chương trình nâng cao nằm trong tổng chỉ tiêu đào tạo đã xác định hàng năm của trường theo quy định.

2. Điều kiện tuyển sinh

a) Thí sinh là người Việt Nam đã trúng tuyển vào trường trong kỳ tuyển sinh đại học chính quy; thí sinh là người nước ngoài phải có văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam, có năng lực Tiếng Việt đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quy định;

b) Đáp ứng các điều kiện khác về tuyển sinh do trường quy định; tự nguyện tham gia học, cam kết đóng học phí theo quy định của trường.

3. Phương thức tuyển sinh chương trình nâng cao do Hiệu trưởng quy định.

Điều 12. Tổ chức và quản lý đào tạo

Ngoài việc tuân theo các quy định chung về tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành, đào tạo nâng cao phải thực hiện thêm các yêu cầu sau:

1. Tổ chức đào tạo chương trình nâng cao phải đảm bảo:

a) Thực hiện theo học chế tín chỉ, sử dụng triệt để phương pháp giảng dạy mới theo hướng phát huy năng lực cá nhân của sinh viên, tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để giải quyết các nội dung chuyên môn;

b) Có ít nhất 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành được dạy bằng ngôn ngữ của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc Tiếng Anh, trong đó có ít nhất 1/2 số tín chỉ nêu trên do giảng viên được quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 6 của Quy định này đảm nhiệm (trừ những ngành chỉ đào tạo ở Việt Nam);

c) Tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước theo kế hoạch; mời các giảng viên thỉnh giảng và

báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân đến từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở trong nước hoặc nước ngoài tham gia giảng dạy, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, phát triển nghề nghiệp; hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp liên quan để mời tham gia, hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học;

d) Áp dụng các phương pháp đánh giá hiện đại theo hướng chú trọng phát triển năng lực phân tích, thực hành, sáng tạo, tự cập nhật kiến thức; năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên nguyên tắc khách quan, minh bạch, linh hoạt, bám sát mục tiêu của mỗi học phần và của chương trình đào tạo;

đ) Bố trí đủ trợ giảng cho mỗi học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành;

e) Bố trí đủ người hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập; đảm bảo mỗi nhóm thảo luận không quá 30 sinh viên, nhóm thực hành, nhóm làm thí nghiệm tại phòng thí nghiệm không quá 25 sinh viên.

2. Quản lý đào tạo

a) Áp dụng tối đa các quy định quản lý học vụ, giảng viên và sinh viên của chương trình đào tạo nước ngoài;

b) Có bộ phận hoặc cán bộ quản lý chuyên trách theo dõi, quản lý và tổ chức triển khai thực hiện chương trình đào tạo nâng cao;

c) Cố vấn học tập, giảng viên ngoài giờ lên lớp phải bố trí thời gian trả lời, giải quyết các vấn đề vướng mắc của sinh viên về nội dung học tập;

d) Tổ chức lấy ý kiến của sinh viên tối thiểu một lần sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên; công tác quản lý, phục vụ; điều kiện cơ sở vật chất và tổ chức trả lời những ý kiến phản ánh của sinh viên.

3. Thay đổi trong quá trình đào tạo

a) Sinh viên chương trình đào tạo nâng cao không đủ điều kiện để tiếp tục học tập chương trình đào tạo nâng cao theo quy định của trường phải chuyển sang học chương trình đào tạo đại trà hoặc thôi học theo quy định của trường;

b) Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại trà nếu có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định của trường có thể được xem xét tiếp nhận vào học chương trình đào tạo nâng cao;

c) Sinh viên đang học chương trình đại trà chuyển sang học chương trình nâng cao, sinh viên chương trình nâng cao chuyển sang học chương trình đại trà được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Trường. Phòng Đào tạo, Khoa quản lý chương trình đào tạo nâng

cao và các đơn vị có liên quan thông báo công khai các điều kiện và thời điểm tiếp nhận cho sinh viên trước mỗi khóa tuyển sinh.

4. Kiểm định chương trình đào tạo nâng cao

a) Trường phải tự đánh giá chất lượng của chương trình đào tạo nâng cao và có kế hoạch chuẩn bị các điều kiện cho kiểm định chương trình đào tạo nâng cao;

b) Đăng ký kiểm định chương trình đào tạo nâng cao sau 02 khóa tốt nghiệp, theo quy định về kiểm định chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Có kế hoạch, lộ trình và thực hiện đăng ký kiểm định chương trình đào tạo nâng cao bởi tổ chức kiểm định của nước có chương trình đào tạo tham khảo hoặc tổ chức kiểm định có uy tín trong khu vực hoặc quốc tế.

Chương III

ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO NÂNG CAO, THỦ TỤC XÁC NHẬN ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NÂNG CAO, ĐÌNH CHỈ TUYỂN SINH CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO

Điều 13. Điều kiện được đào tạo nâng cao

1. Khoa đã có kinh nghiệm trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, bao gồm:

a) Có ít nhất 03 khóa sinh viên đại học tốt nghiệp và đã công bố chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại trà. Các trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định;

b) Có chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài;

c) Có hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến chương trình đào tạo nâng cao; có các giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên đến từ tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất;

d) Trong 05 năm, tính đến thời điểm đề án đào tạo nâng cao được hội đồng khoa học và đào tạo thông qua, Khoa phải có ít nhất 05 công trình nghiên cứu có nội dung liên quan đến chương trình đào tạo nâng cao được nghiệm thu hoặc được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

2. Có kế hoạch phát triển các chương trình đào tạo nâng cao trong kế hoạch phát triển tổng thể theo từng giai đoạn của Khoa đã được hội đồng trường quyết nghị thông qua.

3. Có đề án đào tạo nâng cao bao gồm những nội dung theo Điều 14 của Quy định này do Khoa quản lý chương trình đào tạo nâng cao chủ trì, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch tài chính,

Phòng Quản trị vật tư, Phòng Tổ chức Cán bộ và các đơn vị có liên quan khác tham gia xây dựng, được hội đồng khoa học và đào tạo Trường thông qua và Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt.

4. Có chứng nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục hoặc có xác nhận đã đăng ký và đang chờ kiểm định chất lượng giáo dục của một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Việt Nam hoặc nước ngoài và được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Điều kiện này được áp dụng kể từ khi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục Việt Nam bắt đầu thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 14. Đề án đào tạo nâng cao

Đề án đào tạo nâng cao cho mỗi chương trình nâng cao (theo mẫu tại Phụ lục I) gồm những nội dung chính sau:

1. Sự cần thiết và mục tiêu đào tạo của chương trình nâng cao.
2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nâng cao và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại trà tương ứng.
3. Điều kiện và cách thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm.
4. Minh chứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo nâng cao, bao gồm:
 - a) Chương trình đào tạo (theo mẫu tại Phụ lục III); phân tích, đối chiếu so sánh mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc, nội dung của chương trình đào tạo nâng cao với chương trình đào tạo đại trà và chương trình đào tạo nước ngoài; ý kiến nhận xét của 02 chuyên gia ngoài cơ sở đào tạo (trong nước hoặc quốc tế);
 - b) Danh sách giảng viên cơ hữu, lý lịch khoa học của giảng viên (Phụ lục II), trợ giảng, cán bộ quản lý và cố vấn học tập; giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên, trong đó có người đang làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất;
 - c) Danh mục cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, trong đó cần ghi rõ thiết bị; danh mục học liệu, tài liệu thư viện và liên kết thư viện đã được đầu tư ở mức cao hơn so với mức đầu tư của chương trình đào tạo đại trà để đáp ứng yêu cầu đào tạo nâng cao;
 - d) Danh mục các công trình nghiên cứu khoa học (đã công bố và đang triển khai);
 - đ) Các hình thức hợp tác quốc tế nhằm hỗ trợ phát triển chương trình đào tạo nâng cao;
 - e) Hoạt động hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến chương trình đào tạo nâng cao;
 - g) Chương trình đào tạo nước ngoài và minh chứng chương trình đào tạo đó đã được kiểm định hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cho phép thực hiện và cấp văn bằng;

h) Giấy chứng nhận hoặc xác nhận quy định tại khoản 5 Điều 13.

4. Kế hoạch triển khai tổ chức và quản lý đào tạo.

5. Văn bản quy định chi tiết về đào tạo nâng cao của trường.

6. Các nội dung liên quan đến chi phí đào tạo, học phí và quản lý học phí, kinh phí của trường quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy định này; so sánh định mức đầu tư cho mỗi sinh viên chương trình đào tạo nâng cao với định mức đầu tư cho mỗi sinh viên của chương trình đại trà.

Điều 15. Phê duyệt đề án đào tạo nâng cao

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Công văn của Khoa đề nghị Trường phê duyệt đề án đào tạo nâng cao;

b) Đề án đào tạo nâng cao theo Điều 14 của Quy định này; biên bản thông qua đề án của hội đồng khoa học và đào tạo;

2. Thẩm quyền phê duyệt đề án đào tạo nâng cao: Hiệu trưởng phê duyệt đề án đào tạo nâng cao của các Khoa;

3. Quy trình xác nhận đề án đào tạo nâng cao

a) Khoa có đề án đào tạo nâng cao thuộc thẩm quyền xác nhận của Trường theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này gửi 02 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến Phòng Đào tạo đề nghị xác nhận đề án đào tạo nâng cao;

b) Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, trường thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ của Khoa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, trường có văn bản xác nhận đề án đáp ứng các quy định về đào tạo nâng cao và công bố công khai đề án đào tạo nâng cao trên trang thông tin điện tử của trường. Nếu hồ sơ của Khoa chưa đạt yêu cầu, trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do đề án không được xác nhận.

Điều 16. Đình chỉ tuyển sinh chương trình nâng cao

1. Khoa bị đình chỉ tuyển sinh chương trình nâng cao khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm một trong các tiêu chí xác định chương trình nâng cao được quy định tại Chương II của Quy định này;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ;

c) Không đạt tiêu chuẩn tại kỳ kiểm định chất lượng giáo dục được quy định tại khoản 5 Điều 13 của Quy định này;

d) Không đạt tiêu chuẩn tại kỳ kiểm định chương trình nâng cao được quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 12 của Quy định này;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định đình chỉ tuyển sinh chương trình nâng cao phải xác định rõ lý do đình chỉ tuyển sinh, thời hạn đình chỉ tuyển sinh, các biện pháp cụ thể đảm bảo quyền lợi của sinh viên, giảng viên.

3. Hiệu trưởng ra quyết định đình chỉ tuyển sinh chương trình nâng cao.

4. Sau thời hạn đình chỉ tuyển sinh, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh được khắc phục, Hiệu trưởng quyết định cho phép Khoa được tuyển sinh chương trình nâng cao trở lại.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

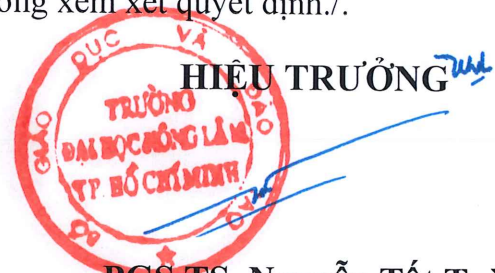
1. Đối với các Khoa đang triển khai đào tạo nâng cao, trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực, phải bổ sung đề án đào tạo nâng cao theo Điều 14 của Quy định này, gửi đề án đến Trường để công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và tổ chức thực hiện đào tạo nâng cao theo Quy định này.

2. Hàng năm, sau mỗi kỳ tuyển sinh, trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả tuyển sinh chương trình đào tạo nâng cao. Việc điều chỉnh mức học phí (nếu có) so với mức học phí ghi trong đề án đào tạo nâng cao đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận được thực hiện theo quy trình tại khoản 3 Điều 15 của Quy định này.

3. Sau mỗi khóa tốt nghiệp, Khoa có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo nâng cao.

4. Định kỳ hàng năm, trường kiểm tra việc thực hiện đào tạo nâng cao của các Khoa quản lý ngành/chuyên ngành đào tạo nâng cao.

5. Trong quá trình thực hiện tùy theo yêu cầu thực tế quy định sẽ có những điều chỉnh phù hợp. Việc điều chỉnh, sửa đổi quy định này do Hiệu trưởng xem xét quyết định./.


HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

Phụ lục I

Mẫu 1. Đề án đào tạo nâng cao trình độ đại học

(Kèm theo Quyết định số 504...../QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 14/ tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Phần I. Thông tin chung

Một số thông tin cơ bản giới thiệu sơ lược về Trường và về Khoa có chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở.

Phần II. Thông tin về ngành đào tạo, sự cần thiết và mục tiêu đào tạo nâng cao

1. Thông tin về chương trình đào tạo nâng cao

- Tên chương trình đào tạo:
- Ngành đào tạo:
- Mã ngành:

2. Sự cần thiết, mục tiêu đào tạo nâng cao

- Trình bày kết quả tổ chức khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực, trình độ đại học của ngành đăng ký đào tạo nâng cao đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, thành phố, vùng hoặc toàn quốc; chủ trương của Đảng, quy hoạch ngành nghề và trình độ đào tạo, quy hoạch phát triển nhân lực của ngành, vùng, quốc gia;

- Báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở chương trình đào tạo nâng cao đã được Hội đồng trường phê duyệt;

- Mục tiêu đào tạo nâng cao;
- Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo nâng cao.

Phần III. Điều kiện và năng lực đào tạo Chương trình nâng cao của Khoa

Căn cứ các điều kiện ở Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Quy định về đào tạo nâng cao trình độ đại học để tự đánh giá năng lực về:

1. Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 5 của Quy định về đào tạo nâng cao trình độ đại học (Phụ lục III).

- Phân tích, đối chiếu so sánh mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc, nội dung của Chương trình đào tạo nâng cao với Chương trình đào tạo đại trà và Chương trình đào tạo nước ngoài.

2. Giảng viên, trợ giảng, cán bộ quản lý, cố vấn học tập

Mẫu 2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học (bao gồm giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với Trường, giảng viên thỉnh giảng, giảng viên trợ giảng) tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở của Khoa

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu ⁽¹⁾ ; Quốc tịch	Chức danh khoa học ⁽²⁾ , năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ⁽³⁾	Loại hợp đồng ⁽⁴⁾ ; ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm	Số công trình đã công bố		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Văn A, 15/03/1975	092066001879, Việt Nam	GS, 2020	TS, Nhật, 2015	Nuôi trồng thủy sản	01/06/1998		HC158293061873267	20	15	18	
2							01/01/2022, Hợp đồng thỉnh giảng tự trả lương					
...												

Ghi chú: ⁽¹⁾ Chỉ ghi thông tin của CMND hoặc CCCD hoặc Hộ chiếu; ⁽²⁾ GS hoặc PGS; ⁽³⁾ Ghi tên ngành/chuyên ngành được đào tạo đúng như tên văn bằng; ⁽⁴⁾ Chọn tương ứng cột tuyển dụng hoặc Hợp đồng; nếu là hợp đồng cần ghi rõ loại hợp đồng: không thời hạn; hợp đồng lao động thời hạn trên 12 tháng; hợp đồng thỉnh giảng.

Đính kèm Lý lịch khoa học, bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, bản sao văn bằng của giảng viên cơ hữu đúng ngành hoặc có chuyên môn phù hợp với chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở.

Mẫu 3. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở của Khoa

STT	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian (học kỳ, năm học)	Ngôn ngữ giảng dạy(*)	Số tín chỉ				Loại giảng viên(**)
					Bắt buộc		Tự chọn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Trực tiếp (6)	Trực tuyến (7)	Trực tiếp (8)	Trực tuyến (9)	(10)
1	Nguyễn Văn A	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	HK 1, Năm 3	Anh	45				Cơ hữu
...									

Ghi chú: Giảng viên thỉnh giảng (tính theo năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo. Mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm (thông tư 02/2022/TT-BGD&ĐT ngày 18/01/2022). * Ngôn ngữ được sử dụng trong giảng dạy (tiếng Việt hay ngôn ngữ nào); ** Giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, giảng viên trợ giảng, giảng viên hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp/đồ án

Mẫu 4. Danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa và cố vấn học tập đối với chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở trình độ đại học

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/chuyên ngành	Cán bộ quản lý cấp Khoa	Cố vấn học tập	Ghi chú
1						
...						

3. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 5. Các đề tài nghiên cứu khoa học của Khoa, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở do Khoa thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Loại đề tài ⁽¹⁾	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo Biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia ⁽²⁾	Ghi chú
1									
...									

⁽¹⁾ Cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, cơ sở; ⁽²⁾ Chỉ ghi những thành viên được phân công phụ trách các học phần trong chương trình đào tạo nâng cao;

Mẫu 6. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở của Khoa trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở chương trình đào tạo nâng cao (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1		
...		

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.

- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.

- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.

- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tiêu đề bài viết*', *[trong]* *tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

4. Hợp tác quốc tế

4.1 Hội nghị, hội thảo khoa học ngành, chuyên ngành trong và ngoài nước

Mẫu 7. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành đăng ký trong 5 năm gần nhất

STT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1				
2				
...				

4.2 Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài đã và đang triển khai

Mẫu 8. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài trong 5 năm gần nhất liên quan đến ngành đăng ký đào tạo đã và đang triển khai

STT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả nghiên cứu trên tạp chí, website
1					
2					
...					

4.3 Các hình thức hợp tác quốc tế khác

5. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo nâng cao

Mẫu 9. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở trình độ đại học

(trong đó ở cột Ghi chú: cần ghi rõ thiết bị; danh mục học liệu, tài liệu thư viện và liên kết thư viện mới đã được đầu tư ở mức cao hơn so với mức đầu tư của chương trình đào tạo đại trà để đáp ứng yêu cầu đào tạo nâng cao)

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ					
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ					
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ					

5	Số phòng học dưới 50 chỗ					
6	Số phòng học đa phương tiện					
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
8	Thư viện, trung tâm học liệu					
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập					

Mẫu 10. Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng in	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
...								

Mẫu 11. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập. luyện tập					Học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

6. Chương trình đào tạo nước ngoài và chứng nhận Chương trình đào tạo nước ngoài đã được kiểm định hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép thực hiện và cấp văn bằng.

7. Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục hoặc xác nhận đã đăng ký và đang trong thời gian kiểm định.

Phần IV: Các điều kiện khác

1. Tuyển sinh

- Điều kiện, phương thức tuyển sinh: nêu cụ thể đảm bảo đúng đối tượng, yêu cầu tại Điều 11 của Quy định về đào tạo nâng cao trình độ đại học.

- Kế hoạch tuyển sinh: Số sinh viên/năm của ngành đăng ký đào tạo.

2. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở chương trình đào tạo nâng cao

Nêu cụ thể quy trình tổ chức và quản lý đào tạo, cách thức triển khai theo quy định tại Điều 12 của Quy định về đào tạo nâng cao trình độ đại học.

3. Chính sách hỗ trợ, ưu tiên cho giảng viên và sinh viên Chương trình nâng cao

4. Dự toán chi phí đào tạo, dự tính mức học phí theo tín chỉ, theo năm học và cho toàn khóa học và lộ trình tăng học phí cho các khóa tiếp theo kèm theo minh chứng cho việc tăng học phí (nếu có); phương án thu, chi, sử dụng và quản lý học phí, kinh phí của Trường theo khoản 3, Điều 4 của Quy định này; so sánh định suất đầu tư/1 sinh viên Chương trình nâng cao với định suất đầu tư/1 sinh viên của chương trình đại trà để chứng minh mức thu học phí Chương trình nâng cao tương đương với mức đầu tư để nâng cao chất lượng đào tạo

5. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở chương trình đào tạo nâng cao

5.1. Báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của Khoa và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra;

5.2. Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Khoa bị đình chỉ hoạt động chương trình đào tạo nâng cao với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho sinh viên, giảng viên và các bên liên quan.

6. Các minh chứng kèm theo đề án

6.1. Nghị quyết của Hội đồng Trường phê duyệt chủ trương mở chương trình nâng cao trình độ đại học;

6.2. Quyết định thành lập hội đồng xây dựng, hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nâng cao; biên bản của hội đồng xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo nâng cao; Quyết định ban hành chương trình đào tạo nâng cao;

6.3. Quyết định thành lập hội đồng xây dựng, hội đồng thẩm định đề án đào tạo nâng cao; biên bản của hội đồng xây dựng và thẩm định đề án đào tạo nâng cao;

6.4. Biên bản thẩm định và kết luận đề án đào tạo nâng cao trình độ đại học của Hội đồng Khoa học đào tạo cấp Trường;

6.5. Giấy Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục hoặc xác nhận đã đăng ký và đang trong thời gian kiểm định;

6.6. Văn bản quy định chi tiết về đào tạo nâng cao của Trường.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: Khoa; HC, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG *TUL*

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

Phụ lục II
LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 504.../QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 04 tháng 02 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:	Giới tính:
Ngày, tháng, năm sinh:	Nơi sinh:
Quê quán:	Dân tộc:
Học vị cao nhất:	Năm, nước nhận học vị:
Chức danh khoa học cao nhất:	Năm bổ nhiệm:
Chức vụ:	Đơn vị công tác:
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:	
Điện thoại liên hệ:	
Email:	

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học

- Hệ đào tạo:	
- Nơi đào tạo:	
- Ngành học:	
- Nước đào tạo:	Năm tốt nghiệp:
- Bằng đại học 2:	Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành:	Năm cấp bằng:
Nơi đào tạo:	
- Tiến sĩ chuyên ngành:	Năm cấp bằng:
Nơi đào tạo:	
- Tên luận án:	

3. Ngoại ngữ:	1.	Mức độ sử dụng:
	2.	Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1				
2				
...				

2. Các công trình khoa học đã công bố

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1			
2			
...			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

Xác nhận của cơ quan

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

Phụ lục III
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 04...../QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

Phụ lục IV
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHNL-ĐT ngày ... tháng ... năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo :

Chương trình đào tạo :

Ngành :

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần : ...

1.2 Tên học phần (tiếng Việt) : ...

1.3 Tên học phần (tiếng Anh) : ...

1.4 Loại học phần : Bắt buộc
 Tự chọn

1.5 Số tín chỉ: : ...

1.6 Phân bổ thời gian : - Lý thuyết: ...
- Bài tập/Thảo luận: ...
- Thực hành/Thí nghiệm: ...
- Tự học: ...

1.7 Thông tin về giảng viên:

1.7.1 Giảng viên phụ trách chính: ...

1.7.2 Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: ...

1.7.3 Bộ môn phụ trách giảng dạy: ...

1.8 Điều kiện tham gia học phần:

- Học phần tiên quyết: ...

- Học phần học trước: ...

- Học phần song hành: ...

1.9 Mô tả tóm tắt học phần

Lưu ý: Phần này cần ngắn gọn (khoảng 100 - 150 từ) và phải khớp với mô tả môn học trong bản mô tả chương trình đào tạo.

1.10 Mục tiêu học phần (Course Objectives - viết tắt là COs)

- CO1:
- CO2:
- ...

1.11 Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - viết tắt là CLOs)

Lưu ý: Vận dụng bảng động từ của Thang Bloom để thiết kế chuẩn đầu ra.

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	...
CLO2	...
CLO3	...
...	...

1.12 Mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Bảng 2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLOs) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLO	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)*			
	PLO...	PLO...
CLO 1				
CLO 2				
CLO 3				
...				
CLOn				
Học phần ... (**)				

Ghi chú: Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ). Đối với các học phần/CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) được chọn lấy dữ liệu đánh giá PLO sẽ bổ sung thêm ký tự A (Assessment) ngay sau mức hỗ trợ I, R, M đã xác định. Ví dụ: M, A hoặc R, A...

(*) Bảng này chỉ liệt kê những PLO mà học phần thực sự có đóng góp hỗ trợ. Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

- I (Introduced) - CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.

- R (Reinforced) - CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...

- M (Mastery) - CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

(**): Ghi mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần (mức I, R, M và A) dựa trên mức độ đóng góp hỗ trợ của các CLO trong việc đạt được PLO ở các cột tương ứng.

1.13 Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Chuẩn đầu ra học phần	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Đánh giá quá trình			
				
				
Đánh giá giữa kỳ			
				
				
Đánh giá cuối kỳ			
				
				

Ghi chú:

(1) Thành phần đánh giá: có thể bao gồm nhiều lần đánh giá hoặc bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

(2) Trọng số của các thành phần đánh giá. Thông thường đánh giá cuối kỳ sẽ chiếm tỷ trọng cao hơn so với các thành phần còn lại.

(3) Hình thức kiểm tra - đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, bài tập lớn, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, đánh giá nhanh trên lớp/đánh giá qua quan sát, ..., phù hợp với nội dung của CLO. Lưu ý: trong trường hợp có sử dụng công cụ “Phiếu đánh giá theo tiêu chí (rubric)” cần ghi rõ.

(4) Liệt kê ký hiệu các CLO được đánh giá bởi các thành phần đánh giá. Trong trường hợp có nhiều CLO trong một lần đánh giá thì mỗi CLO được liệt kê ở một hàng.

(5) Trong trường hợp một thành phần đánh giá được dùng để đánh giá từ 02 CLO trở lên, giảng viên cần xác định trọng số con của mỗi CLO trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây

là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các phần thi/câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn.

(6) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi (sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt PLO hoặc chỉ số PI- Performance Indicator), cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trường hợp học phần không có chuẩn đầu ra nào phục vụ việc lấy dữ liệu đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

1.14 Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần	Chủ đề/Các nội dung cơ bản theo chương, mục	Số tiết			Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề	Liên quan đến CLO nào	PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra	Hoạt động học của người học	Hoạt động kiểm tra đánh giá
		LT	TH	TT					
(1)	(2)	(3)			(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
...									
...									
...									

Ghi chú:

(3) Số tiết (LT/TH/TT): xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.

(5) Liệt kê ký hiệu CLO mà nội dung chương/bài học ở tuần tương ứng có mối liên hệ và đóng góp cho việc đạt được CLO đó.

(6) PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra: nêu tên các phương pháp giảng dạy sử dụng trong từng chương/bài học ở tuần tương ứng để đạt chuẩn đầu ra.

(7) Hoạt động học của người học: xác định các nội dung người học cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, làm việc nhóm để giải quyết bài tập, làm dự án...); cũng như các hoạt động tại lớp (nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm, làm bài tập, trả lời câu hỏi...).

(8) Hoạt động kiểm tra đánh giá: liệt kê hoạt động kiểm tra đánh giá (nếu có) tương ứng với các tuần.

1.15 Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm xuất bản	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành
	Giáo trình chính			
...	...			
	Sách, giáo trình tham khảo			
...	...			

Bảng 6. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
...			
...			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2024

Trưởng Khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn